

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **03/2013/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội
về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội
quyết định chủ trương đầu tư**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị quyết số 49/2010/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 49/2010/QH12); bao gồm: Hướng dẫn áp dụng tiêu chí về vốn đầu tư (quy định tại Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 49/2010/QH12) và về dự án, công trình đang trong quá

trình triển khai thực hiện, phát sinh vấn đề thuộc tiêu chí dự án, công trình quan trọng quốc gia (quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Nghị quyết số 49/2010/QH12). Quy định về tổ chức và phương thức hoạt động của Hội đồng thẩm định nhà nước và cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định; thuê tư vấn thẩm tra và tính chi phí thẩm định, thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia; hồ sơ, thủ tục trình thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tới các hoạt động đầu tư các dự án, công trình quan trọng quốc gia.

Chương II

HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG KHOẢN 1 ĐIỀU 3, KHOẢN 1 ĐIỀU 4 VÀ KHOẢN 3 ĐIỀU 10 CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 49/2010/QH12

Điều 3. Tiêu chí vốn đầu tư xác định dự án, công trình quan trọng quốc gia theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 49/2010/QH12

Vốn đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 49/2010/QH12 được tính theo thời giá tháng 6 năm 2010; các dự án, công trình khi xem xét đáp ứng tiêu chí về dự án, công trình quan trọng quốc gia phải quy đổi vốn đầu tư về thời điểm nêu trên theo Hệ số trượt giá.

Hệ số trượt giá được xác định theo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) do Tổng Cục Thống kê ban hành.

Điều 4. Dự án, công trình đang triển khai thực hiện, phát sinh vấn đề thuộc tiêu chí về dự án, công trình quan trọng quốc gia, theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Nghị quyết số 49/2010/QH12

1. Dự án, công trình đang trong quá trình triển khai thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Nghị quyết số 49/2010/QH12 là:

a) Dự án, công trình đã có quyết định đầu tư (đối với các dự án, công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc các nguồn vốn khác do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư theo quy định);

b) Dự án, công trình đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (đối với các dự án, công trình không thuộc quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này).

2. Dự án đang trong quá trình triển khai thực hiện, phát sinh vấn đề thuộc tiêu chí dự án, công trình quan trọng quốc gia quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Nghị quyết số 49/2010/QH12 là: Sau khi Nghị quyết số 49/2010/QH12 có hiệu lực, các dự án, công trình đang trong quá trình triển khai thực hiện có sự thay đổi tăng lên của các nội dung thuộc dự án, công trình so với quyết định đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp, hoặc các quyết định điều chỉnh trước đó, mà các nội dung thay đổi này thuộc tiêu chí về dự án, công trình quan trọng quốc gia theo quy định tại Nghị quyết số 49/2010/QH12.

3. Các dự án, công trình đang trong quá trình triển khai thực hiện mà phát sinh vấn đề thuộc một trong các tiêu chí về dự án, công trình quan trọng quốc gia quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Nghị quyết số 49/2010/QH12 được tiếp tục triển khai thực hiện và chủ đầu tư phải báo cáo các vấn đề phát sinh lên người quyết định đầu tư đối với các dự án, công trình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này; hoặc Bộ quản lý chuyên ngành và cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án, công trình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, để xem xét việc điều chỉnh dự án. Trình tự, thủ tục xem xét điều chỉnh dự án thực hiện theo quy định hiện hành như đối với quy mô dự án (nhóm dự án) trước khi điều chỉnh.

4. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với các dự án, công trình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này hoặc Bộ quản lý chuyên ngành chính đối với dự án, công trình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép về chủ trương trước khi điều chỉnh và chỉ đạo báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về tình hình triển khai thực hiện dự án, trong đó có vấn đề phát sinh tiêu chí thuộc dự án, công trình quan trọng quốc gia.

Chương III **TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG** **CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC** **VÀ CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH**

Điều 5. Tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định nhà nước

1. Hội đồng thẩm định nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo từng dự án, công trình có nhiệm vụ tổ chức thẩm định các dự án, công trình quan trọng quốc gia (Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và/hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi) để báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư hoặc trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

2. Hội đồng thẩm định nhà nước gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Lãnh đạo cơ quan khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định; Phó Chủ tịch và các thành viên khác của

Hội đồng là đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành, các cơ quan liên quan do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước. Số thành viên Hội đồng Thẩm định nhà nước phải là số lẻ để đảm bảo nguyên tắc biểu quyết theo đa số.

3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về tổ chức thẩm định và các hoạt động thẩm định theo nhiệm vụ được giao, những ý kiến đánh giá kết quả thẩm định, kết luận và kiến nghị của Hội đồng thẩm định nhà nước về các nội dung của dự án, công trình quan trọng quốc gia.

4. Hội đồng thẩm định nhà nước xem xét, quyết định các vấn đề về quy chế làm việc, chương trình và kế hoạch công tác của Hội đồng và các vấn đề khác có liên quan trong quá trình thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia.

5. Hội đồng thẩm định nhà nước làm việc theo chế độ tập thể dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng. Phiên họp Hội đồng thẩm định nhà nước được coi là hợp lệ khi có ít nhất 50% số thành viên tham dự (kể cả người được uỷ quyền). Các ý kiến kết luận được thống nhất theo nguyên tắc đa số; riêng các kết luận cuối cùng thông qua các nội dung thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước thông qua. Ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước được lấy bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng văn bản gửi đến Hội đồng.

6. Hội đồng thẩm định nhà nước tự giải thể sau khi hoàn thành công việc thẩm định theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước

1. Xem xét phê duyệt quy chế làm việc của Hội đồng thẩm định nhà nước, kế hoạch thẩm định sau khi Hội đồng thẩm định nhà nước có ý kiến, quyết định triệu tập các cuộc họp Hội đồng thẩm định nhà nước, chủ trì các phiên họp, phân công trách nhiệm Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước.

2. Quyết định thành lập Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành hoặc Tổ giúp việc Hội đồng tùy theo yêu cầu công việc.

3. Trong các trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước có thể uỷ quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng triệu tập và chủ trì các phiên họp Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc báo cáo trước Chính phủ một số nội dung hoặc công việc do Phó Chủ tịch trực tiếp phụ trách.

4. Quyết định việc thuê và lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định này.

Điều 7. Trách nhiệm của Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước

1. Giúp Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo các hoạt động của Hội đồng; theo dõi và thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng phân công, có trách nhiệm báo cáo thường xuyên về tình hình và kết quả thực hiện của Hội đồng.

2. Giúp Chủ tịch Hội đồng xem xét, đánh giá các báo cáo chuyên môn và các hoạt động khác của Hội đồng để trình Thủ tướng Chính phủ.

Điều 8. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước

1. Xem xét có ý kiến về các nội dung thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia trong các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ, cơ quan và địa phương do mình phụ trách và về những vấn đề chung của dự án, công trình quan trọng quốc gia.

2. Huy động nhân lực, phương tiện làm việc, cơ sở nghiên cứu thuộc quyền quản lý của mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng thẩm định nhà nước, trao đổi đóng góp ý kiến về các nội dung xem xét, thẩm định và biểu quyết các kết luận của Hội đồng thẩm định nhà nước khi cần thiết. Trường hợp đặc biệt không thể tham dự được, thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước phải có ý kiến bằng văn bản, đồng thời ủy quyền cho đại diện tham dự. Ý kiến của đại diện được ủy quyền là ý kiến của thành viên ủy quyền.

Điều 9. Nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhà nước

Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhà nước là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, có các nhiệm vụ sau:

1. Huy động bộ máy giúp Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức công việc thẩm định dự án và các hoạt động chung của Hội đồng; phối hợp với các cơ quan liên quan, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, tư vấn thẩm tra để thực hiện các công việc thẩm định.

2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự án, gửi hồ sơ dự án đến các thành viên Hội đồng, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Chuẩn bị các hợp đồng tư vấn thẩm tra, biên bản nghiệm thu hợp đồng và các chứng từ có liên quan khác để phục vụ việc thanh, quyết toán chi phí thẩm định và thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia.

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước giao.

Điều 10. Nhiệm vụ của Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành

1. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành là bộ phận được thành lập để giúp việc cho Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định (quy định tại Điều 11 Nghị định này), gồm chuyên gia các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan.

2. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành có các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia (theo mẫu Phụ lục kèm theo Nghị định này) trình Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định;

b) Thẩm định các nội dung được phân công;

c) Chuẩn bị các nội dung yêu cầu bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo đề nghị của các thành viên trong Hội đồng thẩm định nhà nước, các Tổ giúp việc khác trong quá trình thẩm định, trình Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định;

d) Thực hiện các công việc để giúp Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định lựa chọn tư vấn thẩm tra (trong trường hợp cần thuê tư vấn thẩm tra) theo quy định tại Điều 13 Nghị định này;

đ) Tổng hợp các ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước, đề xuất, trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định xem xét, quyết định những vấn đề cần xử lý trong quá trình thẩm định;

e) Dự thảo báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định để trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định xem xét ký trình Thủ tướng Chính phủ;

g) Thực hiện các công việc được giao khác.

Điều 11. Tổ chức và nhiệm vụ của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định là cơ quan được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thẩm định việc điều chỉnh dự án, công trình quan trọng quốc gia (trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ không thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước).

2. Cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định có các nhiệm vụ sau:

a) Quyết định việc thành lập Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành và/hoặc Tổ giúp việc khác tùy theo yêu cầu của công tác thẩm định. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành có nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định này;

b) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về tổ chức thẩm định và các hoạt động thẩm định theo nhiệm vụ được giao, những ý kiến đánh giá kết quả thẩm định, kết luận và kiến nghị của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định về các nội dung của dự án, công trình quan trọng quốc gia;

c) Xem xét phê chuẩn quy chế làm việc, kế hoạch thẩm định điều chỉnh dự án, công trình quan trọng quốc gia;

d) Quyết định việc thuê và lựa chọn tư vấn thẩm tra điều chỉnh dự án, công trình quan trọng quốc gia theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Nghị định này;

đ) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự án, gửi hồ sơ dự án đến các cơ quan, đơn vị liên quan.

Chương IV

THUÊ TƯ VẤN THẨM TRA VÀ CHI PHÍ THẨM ĐỊNH, THẨM TRA DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG QUỐC GIA

Điều 12. Thẩm quyền quyết định việc thuê tư vấn thẩm tra các dự án, công trình quan trọng quốc gia

1. Tư vấn thẩm tra là tổ chức hoặc cá nhân trong nước, nước ngoài hoặc liên danh trong nước và nước ngoài (sau đây gọi chung là tư vấn) được Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định thuê để thực hiện một hoặc một số phần công việc của nội dung thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia.

2. Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định quyết định việc thuê tư vấn trong nước thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia theo hình thức lựa chọn được quy định tại Điều 13 của Nghị định này; phê duyệt kế hoạch lựa chọn tư vấn thẩm tra. Trường hợp cần thuê tư vấn nước ngoài hoặc liên danh trong nước và nước ngoài thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia, Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chấp thuận.

Điều 13. Quy trình, thủ tục lựa chọn tư vấn thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia

1. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành chuẩn bị hồ sơ yêu cầu và dự thảo hợp đồng trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định phê duyệt. Nội dung của hồ sơ yêu cầu bao gồm: Yêu cầu về tiêu chuẩn năng lực, số lượng tư vấn, kinh nghiệm của tư vấn; yêu cầu về nội dung, phạm vi công việc, chất lượng thực hiện công việc; thời gian và địa điểm thực hiện; yêu cầu về thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất, thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất; yêu cầu đề xuất về chi phí thuê, điều kiện thanh toán và các nội dung cần thiết khác.

2. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành xác định sơ bộ tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng được yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định thông qua, làm cơ sở để mời tư vấn được lựa chọn đến nhận hồ sơ yêu cầu.

3. Tư vấn thẩm tra nhận hồ sơ yêu cầu, chuẩn bị hồ sơ đề xuất trong thời hạn được quy định tại hồ sơ yêu cầu và nộp hồ sơ đề xuất đến Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành.

4. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành đánh giá hồ sơ đề xuất của tư vấn thẩm tra. Trong quá trình đánh giá, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành có thể mời tư vấn thẩm tra đến đàm phán, giải thích, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung thông tin cần thiết của hồ sơ đề xuất nhằm chứng minh sự đáp ứng của tư vấn theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Tư vấn thẩm tra được đánh giá là đáp ứng và được lựa chọn khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Đáp ứng về kinh nghiệm, năng lực và nhân sự theo quy định tại hồ sơ yêu cầu;

b) Giá đề nghị lựa chọn sau đàm phán không vượt giá dự toán được Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định phê duyệt.

5. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành lập báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn thẩm tra. Trường hợp không lựa chọn được tư vấn thẩm tra, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành có văn bản báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định tiến hành lựa chọn tư vấn thẩm tra khác và thực hiện theo quy định về lựa chọn tư vấn thẩm tra nêu trên.

6. Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành mời tư vấn thẩm tra được lựa chọn đến thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký hợp đồng thẩm tra dự án. Hợp đồng do Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định ký với tư vấn được lựa chọn.

Điều 14. Chi phí thẩm định và thuê tư vấn thẩm tra các dự án, công trình quan trọng quốc gia do Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định thực hiện

1. Chi phí thẩm tra là chi phí thuê tư vấn thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia (do Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định thực hiện). Định mức chi phí thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia được xác định theo quy định hiện hành.

2. Chi phí thẩm định là các chi phí phục vụ cho các hoạt động thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia của Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia (không bao gồm chi phí thẩm tra nêu tại Khoản 1). Chi phí thẩm định bao gồm phụ cấp cho các thành viên tham gia Hội đồng thẩm định nhà nước, Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành và các Tổ giúp việc khác (nếu có); chi phí hội họp, văn phòng phẩm, khảo sát thực địa (nếu có), chi phí khác liên quan, chi phí dự phòng.

3. Chi phí thẩm tra và thẩm định các dự án, công trình quan trọng quốc gia được tính như sau:

a) Định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (Báo cáo đầu tư) được tính bằng định mức chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi (Dự án đầu tư xây dựng công trình);

b) Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước, chi phí thẩm định được tính bằng 20% định mức chi phí thẩm tra;

c) Trong trường hợp không thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước, chi phí thẩm định được tính bằng 15% định mức chi phí thẩm tra.

4. Chi phí thẩm định và thuê tư vấn thẩm tra các dự án, công trình quan trọng quốc gia được tính trong tổng mức đầu tư dự án và được chủ đầu tư thanh toán theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định.

5. Chi phí thẩm định và thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia được chủ đầu tư chuyển vào tài khoản theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định, bảo đảm tiến độ thẩm định, thẩm tra dự án, công trình quan trọng quốc gia theo kế hoạch.

6. Hội đồng Thẩm định nhà nước hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định có trách nhiệm thanh toán chi phí thẩm tra cho tư vấn thẩm tra theo hợp đồng đã được ký; đồng thời xem xét quyết định việc khoán chi cho các thành viên Hội đồng, các Tổ chuyên gia và các chi phí khác, bảo đảm hoạt động thẩm định của Hội đồng hoặc của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định.

Chương V

HỒ SƠ, THỦ TỤC TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG QUỐC GIA

Điều 15. Hồ sơ, thủ tục trình thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia mới

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

a) Tờ trình của cơ quan chủ quản chủ đầu tư hoặc của chủ đầu tư trong trường hợp dự án của cá nhân hoặc tổ chức ngoài nhà nước;

b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi (Báo cáo đầu tư hoặc Dự án đầu tư xây dựng công trình);

c) Tài liệu khác có liên quan.

2. Số lượng hồ sơ trình thẩm định: 20 bộ.

3. Thời gian gửi hồ sơ: Chậm nhất là 180 ngày, trước khi Chính phủ trình Quốc hội theo quy định (trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định), cơ quan chủ quản chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp dự án của cá nhân hoặc tổ chức ngoài nhà nước) gửi hồ sơ trình thẩm định dự án, công trình quan trọng quốc gia đến cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định nhà nước (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) để tổ chức thẩm định.

4. Hồ sơ Chính phủ trình Quốc hội theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 49/2010/QH12.

Điều 16. Hồ sơ, thủ tục trình thẩm định điều chỉnh dự án, công trình quan trọng quốc gia

1. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

a) Tờ trình của cơ quan chủ quản chủ đầu tư hoặc của chủ đầu tư trong trường hợp dự án của cá nhân hoặc tổ chức ngoài nhà nước;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi (Dự án đầu tư xây dựng công trình) đã được phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;

c) Báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư;

d) Tài liệu khác có liên quan.

2. Số lượng hồ sơ trình thẩm định: 20 bộ.

3. Thời gian gửi hồ sơ: Chậm nhất là 180 ngày, trước khi Chính phủ trình Quốc hội theo quy định (trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định), cơ quan chủ quản chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư (trong trường hợp dự án của cá nhân hoặc tổ chức ngoài nhà nước) gửi hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh dự án, công trình quan trọng quốc gia đến cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định để tổ chức thẩm định.

4. Hồ sơ Chính phủ trình Quốc hội gồm:

a) Tờ trình của Chính phủ hoặc của cơ quan được Chính phủ ủy quyền báo cáo;

b) Báo cáo nghiên cứu khả thi (Dự án đầu tư xây dựng công trình) đã được phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;

c) Báo cáo giám sát, đánh giá điều chỉnh dự án đầu tư;

d) Báo cáo thẩm định điều chỉnh dự án của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định;

đ) Tài liệu khác có liên quan.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2013. Các quy định trước đây của Chính phủ trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).N 300

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
MẪU KẾ HOẠCH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN,
CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Nghị định số 03/2013/NĐ-CP
ngày 04 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN *[Tên dự án]*

Hà Nội, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH THẨM ĐỊNH

I. NHIỆM VỤ VÀ NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Nhiệm vụ thẩm định:

Tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi *[Tên dự án]* (sau đây gọi tắt là Dự án) để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

2. Nội dung thẩm định Dự án:

a) Đánh giá về hồ sơ Dự án, gồm:

- Căn cứ pháp lý, thành phần nội dung hồ sơ theo quy định;
- Chất lượng tài liệu: Độ tin cậy các dữ liệu, thông tin sử dụng trong quá trình lập Dự án; cơ sở, phương pháp tính toán và lựa chọn phương án trong hồ sơ dự án.

b) Đánh giá về nội dung dự án

- Sự cần thiết phải đầu tư Dự án.
- Sự phù hợp của Dự án với quy hoạch.
- Sự đáp ứng tiêu chí xác định Dự án là dự án, công trình quan trọng quốc gia.
- Việc tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Những thông số cơ bản của dự án, bao gồm:
 - + Quy mô Dự án;
 - + Hình thức đầu tư;
 - + Lựa chọn địa điểm xây dựng Dự án;

- + Các điều kiện kinh tế - xã hội và an ninh của Dự án;
- + Nhu cầu sử dụng đất;
- + Thời gian, tiến độ thực hiện;
- + Nguồn nguyên liệu;
- + Máy móc, thiết bị;
- + Phương án lựa chọn công nghệ;
- + Giải pháp bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;
- + Nguồn vốn, khả năng thu hồi vốn và trả nợ vốn vay;
- + Đào tạo nguồn nhân lực.
- Hiệu quả kinh tế - xã hội ở mức Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án:
 - + Căn cứ xác định nhu cầu vốn đầu tư;
 - + Mức chuẩn xác về nhu cầu vốn đầu tư;
 - + Phân tích tính khả thi của các phương án huy động vốn, cơ cấu vốn, khả năng thu hồi vốn và trả nợ vốn vay.

II. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đề xuất thành lập Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, các Tổ giúp việc khác (nếu có).

(Xác định rõ thành phần, nội dung công việc cho Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành, các Tổ giúp việc khác).

2. Đề xuất về thuê tư vấn thẩm tra (nếu có).

(Dự kiến các tư vấn thẩm tra, nhiệm vụ cụ thể của các tư vấn thẩm tra)

III. THỜI GIAN VÀ CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Chương trình làm việc của Hội đồng.
2. Kế hoạch thành lập Tổ chuyên gia thẩm định liên ngành và các Tổ giúp việc khác (nếu có).
3. Kế hoạch lựa chọn tư vấn thẩm tra (nếu có).

IV. ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

1. Địa điểm và phương tiện làm việc.
2. Chi phí thẩm định, thẩm tra Dự án (có dự toán chi tiết kèm theo).
3. Các điều kiện làm việc khác.